

163. KINH PHÂN BIỆT LỤC XÚ¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ thuyết pháp cho các người, phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh. Đó là phân biệt về sáu xứ. các người hãy lắng nghe, khéo suy tư và ghi nhớ”.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, chúng con xin vâng lời”.

Đức Phật, bảo rằng:

“Này các thầy Tỳ-kheo, sáu xứ, nên biết, là bên trong vậy²; sáu xúc xứ³ nên biết bên trong; mười tám ý hành⁴ nên biết bên trong; ba mươi sáu đao kiếm⁵ nên biết bên trong. Trong đó đoạn trừ cái kia, thành tựu cái này, vô lượng thuyết pháp nên biết bên trong. Có ba ý chỉ⁶, là những điều mà bậc Thánh phải tu tập. Sau khi tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng⁷, đó là bậc Vô thượng Điều ngự con người⁸, là điều ngự người thú hưởng tất cả phương’. Như vậy là phân biệt lục xứ.

“Nói rằng, ‘sáu xứ nên biết bên trong’, do nhưn gì mà nói như thế? Đó là xứ là mắt; xứ là tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Nói rằng ‘sáu xứ nên biết bên trong’ là nhưn đó mà nói.

“Nói rằng ‘Sáu xúc xứ nên biết bên trong’, do nhưn gì mà nói như vậy? Đó là xúc con mắt thì thấy sắc, xúc lỗ tai thì nghe tiếng, xúc của mũi thì ngửi mùi, xúc của lưỡi thì nếm vị, xúc của thân thì cảm giác, xúc bởi ý thì biết pháp. Nói rằng ‘sáu xúc xứ nên biết

1. Tương đương Pāli, M.137, Salāyatana-vibhaṅga-sutta.

2. Hán: lục xứ đương tri nội dã ---B-----]C Pāli: ajjhattikāni āyatanāni veditabbāni, sáu nội xứ cần được biết.

3. Lục cánh lạc xứ -----B-C Pāli: cha phassakayā.

4. Thập bát ý hành -Q-K-N---C Pāli: aṭṭhādasā manopavicārā. Xem cht.11, kinh 62.

5. Tam thập lục đao -T-Q---M-C Pāli: chattimsa sattapadā, 36 cú (phạm trừ), hay dấu chân, của chúng sanh; 36 loại chúng sanh. Trong bản Hán, đọc là sattha (đao kiếm) thay vì satta (hữu tình). Tỳ-bà-sa (No.1545, Đại 27, trang 718 a): Tam thập lục sư cú -T-Q---v-y-C Pāli: Sattapadā (36 cú nghĩa, hay phạm trừ, về chúng sanh). Cả ba bản đọc theo ngữ nguyên khác nhau. Pāli: satta, chúng sanh. Bản Hán này, *đao kiếm*: do Skt. śāstra (Pāli: sattha), Tỳ-bà-sa; Skt. śāstra: *đạo sư* (Pāli: sattha).

6. Tam ý chỉ -T-N---C Pāli: tayo satipaṭṭhānā, ba niệm trụ.

7. Tham chiếu Pāli: tatr’idaṃ nissāya idaṃ pajahatha. tayo satipaṭṭhānā yad ariyo sevati, yad ariyo sevannāno satthā gaṇaṃ anusāsituṃ arahati, “trong đây, y trên cái này, các người hãy đoạn trừ cái này; có ba niệm trụ mà bậc Thánh tập hành, và khi tập hành nó bậc Thánh xứng đáng là Đạo sư giáo huấn đồ chúng”.

8. Hán: *điều ngự sĩ* ---s---h---R chế ngự hay huấn luyện con người và đánh xe đưa con người đến chỗ an ổn. Pāli: so vuccati yoggācariyānaṃ anuttaro purisadammasārathī ti, vị ấy được gọi là vị hướng đạo và huấn luyện con người, cao cả nhất trong tất cả những người đánh xe.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

bên trong’ là nhưn đó mà nói.

“Nói rằng ‘Mười tám ý hành nên biết bên trong’, do nhưn gì mà nói như vậy? Đó là Tỳ-kheo mắt đã thấy sắc rồi phân biệt sắc mà an trụ nơi hỷ, phân biệt các sắc mà an trụ nơi ưu, phân biệt các sắc mà an trụ nơi xả. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý đã biết pháp rồi phân biệt pháp mà an trụ nơi hỷ, phân biệt pháp mà an trụ nơi ưu, phân biệt pháp mà an trụ nơi xả. Đó gọi là phân biệt sáu hỷ, phân biệt sáu ưu, phân biệt sáu xả. Tổng thuyết là mười tám ý hành. Nói rằng ‘mười tám ý hành nên biết bên trong’ là nhưn đó mà nói.

“Nói rằng ‘Ba mươi sáu loại đao kiếm nên biết bên trong’, do nhưn gì mà nói như vậy? Có sáu hỷ y trên đấm trước, có sáu hỷ y trên vô dục⁹; có sáu ưu y trên đấm trước, có sáu ưu y trên vô dục; có sáu xả y trên đấm trước, có sáu xả y trên vô dục.

“Thế nào là sáu hỷ y trên đấm trước? Thế nào là sáu hỷ y trên vô dục? Mắt thấy sắc rồi phát sanh hỷ, nên biết, có hai loại, hoặc y trên đấm trước, hoặc y trên vô dục.

“Thế nào là hỷ y đấm trước? Sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, ý niệm, sắc ái, lạc tương ứng với dục¹⁰; cái chưa được thì muốn được, đã được thì truy ức, rồi phát sanh hỷ. Hỷ như vậy gọi là hỷ y trên đấm trước.

“Thế nào là hỷ y trên vô dục? Biết sắc vô thường, biến dịch, diệt tận, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh; biết tất cả sắc trước kia và bây giờ đều là pháp vô thường, khổ, hoại diệt. Truy ức như vậy rồi phát sanh hỷ. Hỷ như vậy gọi là hỷ y trên vô dục.

“Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý nhận thức pháp rồi sanh hỷ, nên biết có hai loại, hoặc y trên đấm trước, hoặc y trên vô dục.

“Thế nào hỷ y trên đấm trước? Pháp được biết bởi ý, khả hỷ, ý niệm, pháp ái, lạc tương ứng với dục; cái chưa được thì muốn được, đã được thì truy ức, rồi phát sanh hỷ. Hỷ như vậy gọi là hỷ y trên đấm trước.

“Thế nào gọi là hỷ y trên vô dục? Biết pháp là vô thường, biến dịch, diệt tận, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh; biết tất cả pháp trước kia và bây giờ đều là pháp vô thường, khổ, hoại diệt. Truy ức như vậy rồi phát sanh hỷ. Hỷ như vậy gọi là hỷ y trên vô dục.

“Thế nào là sáu ưu y trên đấm trước? Thế nào là sáu ưu y trên vô dục? Mắt thấy sắc rồi phát sanh ưu, nên biết có hai loại: hoặc y trên đấm trước, hoặc y trên vô dục.

“Thế nào là ưu y trên đấm trước? Sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, ý niệm, sắc ái, lạc tương ứng với dục, cái chưa được mà không được, đã được nhưng trong quá khứ bị phân tán, hoại diệt, biến dịch nên sanh ưu. Ưu như vậy gọi là ưu y trên đấm trước.

“Thế nào là ưu y trên vô dục? Biết sắc là pháp vô thường, biến dịch, diệt tận, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh; biết tất cả sắc trước kia và bây giờ đều là pháp vô thường, khổ, pháp hoại diệt. Truy ức như vậy rồi nghĩ rằng ‘Ta lúc nào thì thành tựu, an trú nơi xứ mà các bậc Thánh đã thành tựu, an trú?’ Do ước nguyện chứng nhập tối thượng ấy mà lo sợ¹¹, sầu khổ nên phát sanh ưu. Ưu như vậy gọi là ưu y trên vô dục.

“Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý nhận thức pháp rồi sanh ưu, nên biết có hai loại: hoặc y trên đấm trước, hoặc y trên vô dục.

“Thế nào là ưu y trên đấm trước? Pháp được biết bởi ý, khả hỷ, niệm, pháp ái, lạc

⁹. Y trước y vô dục ————L——C Tỳ-bà-sa (đd., như trên): Y đam thị y xuất ly ————X——C Pāli: gehaseta, nekkhammasita: y tại gia và y xuất gia. Do từ nguyên trong Skt. hay đồng âm của từ gaha (Pāli) có nghĩa là nhà (Skt. ghaha) và sự nắm chặt (Skt. graha) nên có những nghĩa khác nhau như thế.

¹⁰. Pāli: lokāmisapaṭisaṃyuttam, liên hệ đến vật dục thế gian.

¹¹. Hán: *thượng cụ xúc nguyện khủng bố* 上具觸懼怖 不——@——F không hiểu ý. Pāli: anuttaresu vimokkhesu pihaṃ upatthāyato uppajjati, khởi lên ước muốn đối với các giải thoát vô thượng.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

tương ứng với dục, cái chưa được mà không được, cái đã được nhưng trong quá khứ bị phân tán, hoại diệt, biến dịch nên sanh ưu. Ưu ấy gọi là ưu y trên đấm trước.

“Thế nào là ưu do vô dục? Biết pháp là vô thường, biến dịch, diệt tận, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh; biết tất cả pháp trước kia và bây giờ đều vô thường, khổ, hoại diệt. Truy ức như vậy rồi nghĩ rằng ‘Ta lúc nào thì thành tựu, an trú vào xứ mà các bậc Thánh đã thành tựu, an trú?’ Do ước nguyện chứng nhập tối thượng ấy mà lo sợ, sầu khổ nên phát sanh ưu. Ưu như vậy gọi là ưu y trên vô dục.

“Thế nào là xả y trên đấm trước? Thế nào là xả y trên vô dục? Mắt thấy sắc phát sanh xả, nên biết có hai loại: hoặc y trên đấm trước, hoặc y trên vô dục.

“Thế nào là xả y trên đấm mê? Mắt thấy sắc rồi phát sanh xả. Phạm phu ngu si hoàn toàn¹² không đa văn, không trí tuệ, đối với sắc có xả nhưng không xuất ly sắc. Đó là xả y trên đấm mê.

“Thế nào là xả y trên vô dục? Biết sắc vô thường, biến dịch, diệt tận, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh; biết tất cả sắc trước kia và bây giờ đều là vô thường, khổ, hoại diệt. Truy ức như vậy rồi an trú nơi xả. Nếu vị nào dốc lòng tu tập xả như thế, thì đó là xả y trên vô dục.

“Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý nhận thức pháp rồi phát sanh xả, nên biết rằng có hai loại: hoặc y trên đấm trước, hoặc y trên vô dục.

“Thế nào là xả y trên đấm mê? Ý nhận thức, phát sanh xả. Phạm phu ngu si, hoàn toàn không đa văn, không trí tuệ, đối với pháp có xả nhưng không xuất ly pháp. Đó là xả y trên đấm.

“Thế nào là xả y trên vô dục? Ý biết pháp là vô thường, biến dịch, diệt tận, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh; biết pháp trước kia hay bây giờ đều là vô thường, khổ, hoại diệt. Truy ức như vậy rồi an trú nơi xả. Ai dốc lòng tu tập xả ấy, thì đó là xả y trên vô dục.

“Đó là sáu hỷ y trên đấm trước, sáu hỷ y trên vô dục; sáu ưu y trên đấm trước, sáu ưu y trên vô dục; sáu xả y trên đấm trước, sáu xả y trên vô dục. Tổng thuyết là ba mươi sáu thứ đạo kiếm nên biết bên trong. Do như đó mà nói như thế.

“Nói rằng ‘Trong đó đoạn trừ cái kia, thành tựu cái này’, do như gì mà nói như vậy? Đó là, đối với sáu hỷ y trên vô dục này, hãy thủ lấy cái này, y trên cái này, an trú nơi cái này; còn đối với sáu hỷ y trên đấm trước ấy thì hãy hủy diệt cái kia, đoạn trừ cái kia, nhổ cái kia ra. Như vậy là đoạn trừ cái kia.

“Đối với sáu ưu y trên vô dục này, hãy thủ lấy cái này, y trên cái này, an trú nơi cái này; còn đối với sáu ưu y trên đấm trước này, hãy hủy diệt cái kia, đoạn trừ cái kia, nhổ cái kia ra. Như vậy là đoạn trừ cái kia.

“Đối với sáu xả y trên vô dục này, hãy thủ lấy cái này, y trên cái này, an trú nơi cái này; còn đối với sáu xả y trên đấm trước này, hãy hủy diệt cái kia, đoạn trừ cái kia, nhổ cái kia ra. Như vậy là đoạn trừ cái kia.

“Có loại xả có vô lượng xúc, sai biệt xúc¹³; có loại xả chỉ có một xúc, không sai biệt xúc.

“Thế nào là xả có vô lượng xúc, sai biệt xúc? Nếu xả đối với sắc, đối với thanh, đối với hương, đối với vị, đối với xúc, thì xả ấy có vô lượng xúc, sai biệt xúc.

“Thế nào xả chỉ có một xúc, không sai biệt xúc? Là xả hoặc y vào vô lượng không

¹². Hán: *bình đẳng*, liên hệ từ samm (Pāli, hay Skt.).

¹³. Pāli: atthi bhikkhave upekāhā nānattā nānattasitā, có xả là tạp đa tánh, y trên tạp đa tánh.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

xứ, hoặc y vào vô lượng thức xứ, hoặc y vào vô sở hữu xứ, hoặc y vào phi hữu tướng phi vô tướng xứ, thì xả ấy chỉ có một xứ, không sai biệt xứ.

“Đối với xả có một xứ, không sai biệt xứ, hãy thủ lấy cái này, y trên cái này, an trú nơi cái này. Đối với xả có vô lượng xứ, sai biệt xứ, hãy hủy diệt cái kia, đoạn trừ cái kia, nhổ cái kia ra. Như vậy là đoạn trừ cái kia. Thủ vô lượng, y vô lượng, trú vô lượng, tức là đối với xả có một xứ, không sai biệt xứ, hãy thủ lấy cái này, y trên cái này, an trú nơi cái này. Đối với xả có vô lượng xứ, sai biệt xứ, hãy hủy diệt cái kia, đoạn trừ cái kia, nhổ cái kia ra. Như vậy là đoạn trừ cái kia.

“Nói rằng ‘Trong đó đoạn trừ cái kia, thành tựu cái này’ là nhưn đó mà nói.

“Nói rằng ‘Vô lượng thuyết pháp nên biết bên trong’, do nhưn gì mà nói như thế?

“Như Lai có bốn đệ tử, có tăng thượng hành, tăng thượng ý, tăng thượng niệm, tăng thượng tuệ, có biện tài, thành tựu biện tài bậc nhất, thọ đến một trăm tuổi. Như Lai thuyết pháp cho đệ tử ấy suốt cả một trăm năm, ngoại trừ lúc ăn lúc uống, lúc đại tiểu tiện, lúc ngủ nghỉ và lúc tụ hội; những pháp mà Như Lai thuyết kia, có văn cú, pháp cú, quán nghĩa, bằng tuệ mà quán nghĩa một cách nhanh chóng, không có hỏi lại Như Lai về pháp nữa. Vì sao? Vì pháp được Như Lai giảng thuyết không có giới hạn, không thể cùng tận, có văn cú, pháp cú, quán nghĩa, cho đến lúc bốn đệ tử lâm chung.

“Cũng như bốn hạng người bắn giỏi, cùng kéo mạnh dây cung mà bắn một lượt, khéo học kỹ, khéo biết rõ. Cũng vậy, Thế Tôn có bốn đệ tử, có tăng thượng hành, tăng thượng ý, tăng thượng niệm, tăng thượng tuệ, có biện tài, thành tựu biện tài bậc nhất, thọ đến một trăm tuổi. Như Lai thuyết pháp cho đệ tử ấy suốt cả một trăm năm, ngoại trừ lúc ăn lúc uống, lúc đại tiểu tiện, lúc ngủ nghỉ và lúc tụ hội; những pháp mà Như Lai thuyết kia, có văn cú, pháp cú, quán nghĩa, bằng tuệ mà quán nghĩa một cách nhanh chóng, không có hỏi lại Như Lai về pháp nữa. Vì sao? Vì pháp được Như Lai giảng thuyết không có giới hạn, không thể cùng tận.

“Nói rằng ‘Vô lượng thuyết pháp nên biết bên trong’, là nhưn đó mà nói.

“Nói rằng ‘Có ba ý chỉ, là những điều mà bậc Thánh phải tu tập. Sau khi tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng’, do nhưn gì mà nói như thế?

“Như Lai thuyết pháp cho đệ tử là vì mến yêu, mưu cầu nhiều thiện lợi và hữu ích, an ổn và khoái lạc, phát khởi tâm từ bi, bảo rằng ‘Đây là lợi ích, đây là khoái lạc, đây là lợi ích khoái lạc’. Nếu các đệ tử kia mà không cung kính, không thuận hành, không xác lập nơi trí, tâm không thực hành pháp và tùy pháp¹⁴, không thọ chánh pháp, làm trái lời Thế Tôn, không thể đắc định; nhưng Thế Tôn không vì thế mà buồn rầu. Thế Tôn chỉ xả mà không làm gì, thường chánh niệm, chánh trí. Đó là ý chỉ thứ nhất mà bậc Thánh tu tập. Sau khi đã tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng.

“Lại nữa, Như Lai thuyết pháp cho đệ tử vì thương tưởng mến yêu, vì mưu cầu thiện lợi hữu ích, an ổn và khoái lạc, phát khởi tâm từ bi, nói rằng ‘Đây là hữu ích, đây là khoái lạc, đây là hữu ích khoái lạc’. Nếu đệ tử kia cung kính thực hành theo chánh trí, tâm thực hành pháp và tùy pháp, thọ trì chánh pháp, không trái lời Thế Tôn, đắc định, thì Thế Tôn cũng không vì thế mà hoan hỷ. Thế Tôn chỉ xả, mà không làm gì cả, thường chánh niệm, chánh trí. Đó là ý chỉ thứ hai mà bậc Thánh tu tập. Sau khi đã tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng.

¹⁴. Thú hướng pháp thú pháp, tức Pāli: dhammānudhamma-paṭipanna, thực hành pháp và những liên hệ pháp.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

“Lại nữa, Như Lai thuyết pháp cho đệ tử vì thương tưởng mến yêu, vì mưu cầu thiện lợi hữu ích, an ổn và khoái lạc, phát khởi tâm từ bi, bảo rằng ‘Đây là hữu ích, đây là khoái lạc, đây là hữu ích khoái lạc’. Nhưng có đệ tử không cung kính, cũng không thực hành, không vững chánh trí, tâm không hướng đến pháp tùy pháp hành, không thọ trì chánh pháp, trái lời Thế Tôn, không thể đắc pháp. Trái lại, có đệ tử cung kính, thực hành, vững chánh trí, tâm quy hướng đến pháp tùy pháp hành, thọ trì chánh pháp, không trái lời Thế Tôn, đắc định, Thế Tôn cũng không vì thế mà buồn rầu hay hoan hỷ. Thế Tôn chỉ xả, mà không làm gì cả, thường chánh niệm, chánh trí. Đó là ý chỉ thứ ba mà bậc Thánh tu tập. Sau khi đã tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng.

“Nói rằng ‘Có ba ý chỉ, là những điều mà bậc Thánh phải tu tập. Sau khi tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng’, là nhưn đó mà nói.

“Nói rằng ‘Bậc Vô Thượng điều ngự con người, là điều ngự người thú hưởng tất cả phương’, do nhưn gì mà nói như vậy?

“Điều ngự con người, đó là nói điều ngự con người chỉ thú hưởng một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, hoặc phương Tây, hoặc phương Bắc. Chẳng hạn như điều ngự voi, là vị điều ngự chỉ dẫn con voi đến một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, phương Tây, phương Bắc. Điều ngự ngựa là vị điều ngự chỉ dẫn con ngựa đến một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, phương Tây, phương Bắc. Điều ngự bò là vị điều ngự chỉ dẫn con bò đến một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, phương Tây, phương Bắc. Trái lại, Vô thượng Điều ngự con người thú hưởng đến tất cả phương. Trong đó, phương là có sắc thì quán sắc, đó là phương thứ nhất¹⁵. Bên trong không có sắc tướng, bên ngoài quán sắc, đó là phương thứ hai. Tịnh giải thoát, thân chứng thành tựu, an trú, đó là phương thứ ba. Vượt qua mọi sắc tướng, diệt hữu đối tướng, không nghĩ đến các loại tướng sai biệt, nhập vô lượng hư không, thành tựu và an trú vô lượng không xứ, đó là phương thứ tư. Vượt qua mọi vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, thành tựu an trú vô lượng thức xứ, đó là phương thứ năm. Vượt qua mọi vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu và an trú vô sở hữu xứ, đó là phương thứ sáu. Vượt qua mọi vô sở hữu xứ, nhập phi hữu tướng phi vô tướng xứ, thành tựu an trú, đó là phương thứ bảy. Vượt qua mọi phi hữu tướng phi vô tướng xứ, tướng và thọ đã diệt tận, thân chứng thành tựu, an trú, do tuệ mà quán lậu tận, vĩnh viễn đoạn trừ, đó là phương thứ tám.

“Nói rằng ‘Bậc Vô Thượng điều ngự con người, là điều ngự người thú hưởng tất cả phương’ là nhưn đó mà nói”.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹⁵. Từ đây trở xuống, nói về tám giải thoát, cũng nói là tam bối. Xem giải thích Tập Dị 18, Đại 16, trang 443.